

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ HỢP THÀNH**

Số: 42 /QĐ - UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hợp Thành, ngày 6 tháng 4 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán**  
**thu chi ngân sách quý I/2023**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HỢP THÀNH**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Thông tư 343/TT-BTC ngày 30/12/2016 của bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của bộ tài chính Quy định quản lý ngân sách và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, Thị trấn;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 29/12/2023 của HĐND xã Hợp Thành về việc Phân bổ dự toán thu- chi ngân sách xã năm 2023.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý I/2023 của UBND xã Hợp Thành.

1. Nội dung công khai:

- Công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý I/2023.  
( Có các biểu mẫu kèm theo)

2. Hình thức công khai: Niêm yết công khai tại bảng tin của UBND xã Hợp Thành, Thông báo trên hệ thống loa truyền thanh, thông báo cho Đảng ủy và các tổ chức chính trị xã hội.

**Điều 2.** Giao cho Văn phòng UBND xã, Ban tài chính chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký .

**Nơi nhận:**

- Đảng ủy -HĐND;
- Các tổ chức chính trị - xã hội
- Như điều 2;
- Lưu VP, KT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**  
  
**Ma Quốc Hiếu**





## THUYẾT MINH

### Tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước xã Hợp Thành quý I năm 2023

(Kèm theo Quyết định số: 42/QĐ-UBND, ngày 06/4/2023 của UBND xã)

#### I. Tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước Quý I năm 2023

Ngày 31 tháng 12 năm 2022, Ủy ban nhân dân xã Hợp Thành đã thực hiện giao dự toán thu – chi ngân sách năm 2023 (tại Quyết định số 234/QĐ-UBND). Kết quả thực hiện dự toán thu chi ngân sách xã Hợp Thành Quý I năm 2023, cụ thể như sau:

##### 1. Thu ngân sách

###### 1.1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

Tổng thu NSNN trên địa bàn Quý I: 2.999.527.000 đồng, đạt 63% dự toán huyện, trong đó:

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 12.563.000 đồng đạt 31% dự toán huyện.

- Thuế thu nhập cá nhân: 41.334.000đ đạt 79% dự toán huyện

- Lệ phí trước bạ: 10.923.000 đồng đạt 73% dự toán huyện

- Thu phí, lệ phí: 4.709.000 đồng đạt 13% dự toán huyện.

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 864.000 đồng đạt 43% dự toán huyện

- Thu khác : 15.000.000 đồng đạt 21% dự toán huyện.

###### 1.2. Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp

Tổng thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp Quý I: : 2.999.527.000 đồng, đạt 63% dự toán HĐND xã giao.

- Các khoản thu ngân sách xã được hưởng 100%: 19.709.000 đồng.

- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%): 65.684.000 đồng.

- Thu bổ sung ngân sách cấp trên: 2.914.134.000 đồng.

##### 2. Về chi ngân sách

Tổng số chi ngân sách Quý I: 1.892.292.364 đồng, đạt 31%

- Chi đầu tư xây dựng cơ bản: 574.000.000 đồng, đạt 45%

- Chi thường xuyên: 1.318.292.364 đồng, đạt 28% dự toán HĐND giao.

- Chi dự phòng: 0đ

#### II. Đánh giá chung về tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách Quý I năm 2023.

Trên cơ sở dự toán thu ngân sách nhà nước huyện và HĐND TT giao, dựa trên kết quả đạt được trong quý I năm 2023. UBND xã tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo các cán bộ công chức chuyên môn và phối hợp với chi cục thuế tăng cường sự phối hợp để thực hiện thu ngân sách, đảm bảo thu đúng, thu đủ, kịp thời các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và thu khác nộp vào ngân sách nhà nước, nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền các chính sách, pháp luật về thuế bằng nhiều hình thức. Các nhiệm vụ chi ngân sách trong Quý II/2023 được đảm bảo theo đúng dự toán và tiến độ triển khai thực hiện của các đơn vị sử dụng ngân sách đáp ứng kịp thời các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, đảm bảo an sinh xã hội, góp phần đảm bảo thực hiện tăng trưởng kinh tế của địa phương.

Công tác quản lý chi ngân sách được tăng cường, đảm bảo tiết kiệm có hiệu quả, các khoản chi ngân sách được quản lý chặt chẽ trong





**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ HỢP THÀNH**

**Biểu số 113/CKTC-NSNN**

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2023**

<b>NỘI DUNG THU</b>	<b>DỰ TOÁN</b>	<b>ƯỚC TH QUÝ I</b>	<b>SỐ SÁNH</b>
<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>4.785.000.000</b>	<b>2.999.527.000</b>	<b>63%</b>
1. Các khoản thu xã hưởng 100%	105.000.000	19.709.000	19%
2. Các khoản thu chia theo tỷ lệ %	119.000.000	65.684.000	55%
3. Thu bổ sung	4.543.000.000	2.914.134.000	64%
- Bổ sung có cân đối	4.543.000.000	1.350.000.000	30%
- Bổ sung có mục tiêu	0	1.564.134.000	
4. Thu chuyển nguồn	18.000.000		
<b>TỔNG SỐ CHI</b>	<b>6.047.000.000</b>	<b>1.892.292.364</b>	<b>31%</b>
1. Chi đầu tư phát triển	1.262.000.000	574.000.000	45%
2. Chi thường xuyên.	4.691.000.000	1.318.292.364	28%
3. Dự phòng tiết kiệm chi	94.000.000		0%



Biểu số 114/CKTC-NSNN

**ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2023**

STT	Nội dung	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I/2023			So sánh		
		Tổng số 1	XDCB 2	Thường xuyên 3	Tổng số 4	XDCB 5	Thường xuyên 6	Tổng số 7 = 4/1	XDCB 8 = 5/2	Thường xuyên 9 = 6/3
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	<b>Tổng chi</b>	4.785.000.000		4.785.000.000	1.318.292.364		1.318.292.364	28%		28%
1	Chi Giáo dục									
2	Chi ứng dụng chuyên gia công nghệ									
3	Chi y tế									
4	Chi văn hóa thông tin									
5	Chi phát thanh truyền thanh									
6	Chi thể dục thể thao									
7	Chi bảo vệ môi trường									
8	Chi các hoạt động kinh tế									
9	Chi HD của cơ quan QLNN, Đảng, đoàn thể	4.597.636.000		4.597.636.000	1.303.357.764		1.303.357.764	28%		28%
10	Chi công tác xã hội	93.364.000		93.364.000	14.934.600		14.934.600	16%		16%
11	Chi khác	0		0	0		0			
12	Dự phòng, tiết kiệm chi	94.000.000		94.000.000	0		0			





**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ HỢP THÀNH**

**ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2023**

**Biểu số 115/CKTC-NSNN**

STT	Nội dung	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC TH QUÝ I/2023		So sánh	
		THU NSNN	THU NS XÃ	THU NSNN	THU NS XÃ	THU NSNN	THU NS XÃ
A	B	1	2	4	5	6	7
I	<b>Các khoản thu 100%</b>	<b>4.785.000.000</b>	<b>4.785.000.000</b>	<b>1.459.341.000</b>	<b>1.459.341.000</b>	<b>30%</b>	
1	Phí lệ phí	123.000.000	123.000.000	19.709.000	19.709.000	16%	
	- Phí chứng Thục	35.000.000	35.000.000	4.709.000	4.709.000	13%	
	- Phí Môn Bài	35.000.000	35.000.000	4.709.000	4.709.000	13%	
2	Thu từ Quỹ đất công ích và đất công	0	0	0	0	0	
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp					0	
4	Đóng góp của nhân dân theo quy định					0	
5	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức					0	
6	Thu kết dư ngân sách năm trước			0	0	0	
7	Thu chuyển nguồn sách năm trước	18.000.000	18.000.000	0	0	0	
8	Thu khác	70.000.000	70.000.000	15.000.000	15.000.000	21%	
II	<b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %</b>	<b>119.000.000</b>	<b>119.000.000</b>	<b>65.684.000</b>	<b>65.684.000</b>	<b>55%</b>	
1	Thuế thu nhập cá nhân	52.000.000	52.000.000	41.334.000	41.334.000	79%	
2	Thuế Ngoài QD	40.000.000	40.000.000	12.563.000	12.563.000	31%	
3	Thuế môn bài thu từ cá nhân, hộ KID	10.000.000	10.000.000	0	0	0%	
4	Thuế SD đất nông nghiệp	2.000.000	2.000.000	864.000	864.000	43%	
5	Lệ phí trước bạ	15.000.000	15.000.000	10.923.000	10.923.000	73%	
6	Thuế GTGT		0	0	0		
III	<b>Thu bổ sung ngân sách từ cấp trên</b>	<b>4.543.000.000</b>	<b>4.543.000.000</b>	<b>1.373.948.000</b>	<b>1.373.948.000</b>	<b>30%</b>	
1	Thu bổ sung cân đối	4.543.000.000	4.543.000.000	900.000.000	900.000.000	20%	
2	Thu bổ sung có mục tiêu			473.948.000	473.948.000		